

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: **25/2019/DS – ST**

Ngày: **12/9/2019**

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các hội thẩm nhân dân:

1./ Ông Nguyễn Văn Ngư

2./ Ông Trương Thoại Lượng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2019/TLST – DS ngày 21/3/2019; Về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST – DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST – DS ngày 14 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc, Ngân hàng A. Địa chỉ: Phố LD, phường H L, quận H M, thành phố HN.

+ *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Trịnh Bích Tuyền – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã Hội huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

+ Bà Trịnh Bích T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hải A – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện CT, tỉnh ST (Ông A có mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn CT, huyện Ct, tỉnh ST.

- Bị đơn: Bà Thái Ngọc H, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp B, xã PT, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Văn H, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp B, xã PT, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2018 của nguyên đơn Ngân hàng A, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hải A trình bày:*

Ngân hàng A, chi nhánh phòng giao dịch huyện Châu Thành có cho hộ bà Thái Ngọc H vay các khoản vay sau:

- Khoản vay thứ 1: Ngày 27/12/2010, cho bà H vay số tiền 8.000.000 đồng, mục đích cho vay để xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường, lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn 0,975%/tháng, thời hạn cho vay 05 năm, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần (phân kỳ trả vốn và lãi). Đến thời điểm hiện nay, đối với khoản vay này bà H đã trả được 2.000.000 đồng tiền vốn vay và trả tiền lãi 5.166.418 đồng, còn nợ lại 6.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.622.418 đồng.

- Khoản vay thứ 2: Ngày 27/12/2011, cho bà H vay số tiền 8.000.000 đồng, mục đích cho vay để xây nhà ở, theo chương trình cho hộ nghèo vay xây nhà ở, lãi suất 0,25%/tháng, lãi suất quá hạn 0,325%/tháng, thời hạn cho vay 10 năm, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần (phân kỳ trả vốn và lãi). Đến thời điểm hiện nay, đối với khoản vay này bà H còn nợ lại 8.000.000 đồng tiền vốn vay, chỉ thanh toán tiền lãi được số tiền là 1.363.704 đồng và tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì số tiền lãi còn nợ lại là 496.362 đồng.

- Khoản vay thứ 3: Ngày 28/6/2016, cho bà H vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích cho vay để chăn nuôi bò, lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn 0,8938%/tháng, thời hạn cho vay 05 năm, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần (phân kỳ trả vốn và lãi). Đến thời điểm hiện nay, đối với khoản vay này bà H còn nợ lại 29.500.000 đồng tiền vốn vay (đã trả được 500.000 đồng tiền vốn), đã trả được số tiền lãi là 3.258.164 đồng, còn nợ lại tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.258.164 đồng.

Tổng số tiền vốn vay của 03 khoản vay nêu trên hộ bà H chưa thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội là 43.500.000 đồng và tiền lãi trong hạn chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/9/2019) là 6.376.944 đồng.

Nay đã quá thời hạn thanh toán tiền vốn và lãi vay theo kế ước vay vốn của Ngân hàng A, phòng giao dịch huyện Châu Thành với bà Thái Ngọc H. Nên Ngân hàng A yêu cầu bà H, ông H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền vốn và lãi vay nêu trên cho Ngân hàng để đảm bảo chính sách thu hồi nguồn vốn và thực hiện chính sách cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội tại địa phương.

* Bị đơn bà Thái Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt, không có lý do và không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc yêu cầu thanh toán tiền vốn và lãi vay nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn bà Thái Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H. Xét thấy, ông H, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt

đối với bị đơn bà Thái Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng A, chi nhánh phòng giao dịch huyện Châu Thành có cho hộ bà Thái Ngọc H vay 03 khoản vay, cụ thể như:

- Khoản vay thứ 1: Ngày 27/12/2010, cho bà H vay số tiền 8.000.000 đồng, mục đích cho vay để xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường, lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn 0,975%/tháng, thời hạn cho vay 05 năm, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần (phân kỳ trả vốn và lãi).

- Khoản vay thứ 2: Ngày 27/12/2011, cho bà H vay số tiền 8.000.000 đồng, mục đích cho vay để xây nhà ở, theo chương trình cho hộ nghèo vay xây nhà ở, lãi suất 0,25%/tháng, lãi suất quá hạn 0,325%/tháng, thời hạn cho vay 10 năm, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần (phân kỳ trả vốn và lãi).

- Khoản vay thứ 3: Ngày 28/6/2016, cho bà H vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích cho vay để chăn nuôi bò, lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn 0,8938%/tháng, thời hạn cho vay 05 năm, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần (phân kỳ trả vốn và lãi).

Sau khi vay số tiền 03 khoản vay nêu trên thì bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn và lãi vay theo đúng phân kỳ như các khế ước nợ đã ký với Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Nay đã quá thời hạn cho vay và thu hồi vốn, lãi theo phân kỳ nhưng bị đơn bà Thái Ngọc H và ông Trần Văn H không thanh toán tiền vốn và lãi theo các khế ước vay tiền của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện bà H ra Tòa án để thu hồi tiền vốn vay và lãi để đảm bảo nguồn vốn vay nhằm thực hiện chính sách cho vay đối với các đối tượng chính sách xã hội theo chủ trương của Nhà nước tại địa phương. Từ đó, các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà H, ông H yêu cầu thanh toán số tiền vốn vay còn lại của 03 khoản là 43.500.000 đồng và tiền lãi trong hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm hôm nay là 6.376.944 đồng. Căn cứ các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn nộp cho Tòa án như sổ vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội, người vay bà Thái Ngọc H; Các Giấy đề nghị vay vốn, kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 24/12/2010; ngày 26/12/2011 và ngày 28/6/2016 (bút lục số 08 đến 11) được Tòa án công khai chứng cứ và bị đơn không có ý gì phản đối, các hồ sơ vay vốn của hộ bà Thái Ngọc H đều thể hiện bà H ký tên nhận số tiền vốn vay của Ngân hàng. Nên Hội đồng xét xử, có đủ căn cứ xác định bị đơn bà Thái Ngọc H có vay của Ngân hàng A, chi nhánh phòng giao dịch huyện Châu Thành số tiền vốn vay của 03 khoản nêu trên còn nợ lại là 43.500.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.376.944 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi của 03 khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/9/2019) là 49.876.944 đồng.

Do đã quá thời hạn thanh toán số tiền vốn và tiền lãi vay, bị đơn bà Thái Ngọc H và ông Trần Văn H đã vi phạm tại điểm c mục 2.2 khoản 2 về quyền và nghĩa vụ của các bên quy định trong sổ vay vốn mà giữa hai bên thỏa thuận ký kết nên Ngân hàng A khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thái Ngọc H và ông Trần Văn H là người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được miễn nộp toàn bộ do thuộc đối tượng chính sách hộ nghèo, cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng: Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1./ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn bà Thái Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H yêu cầu thanh toán tiền vốn và lãi vay, tổng số tiền là 49.876.944 đồng.

2./ Buộc bà Thái Ngọc H và ông Trần Văn H có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn và lãi vay (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) cho Ngân hàng A là 49.876.944 đồng (Bốn mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó, tiền vốn vay là 43.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/9/2019) là 6.376.944 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 13/9/2019 bà Thái Ngọc H và ông Trần Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định trong khế ước vay vốn tương ứng với từng khoản vay của từng kế ước vay mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết cho đến khi thi hành xong bản án.

3./ *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Thái Ngọc H và ông Trần Văn H là người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được miễn nộp toàn bộ do thuộc đối tượng chính sách hộ nghèo, cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

4./ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bà Thái Ngọc H và ông Trần Văn H thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5./ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha